

## BÀI 31 an ăn ân

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng vần *an, ăn, ân*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có vần *an, ăn, ân*; hiểu và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung đã đọc.
- Viết đúng vần *an, ăn, ân*; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần *an, ăn, ân*.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần *an, ăn, ân* có trong bài học.
- Phát triển kỹ năng nói lời xin lỗi (trong tình huống cụ thể ở trường học).
- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết nhân vật (các bạn học sinh trong cùng lớp) và suy đoán nội dung tranh minh họa (tình huống các bạn giảm phải chân nhau khi xếp hàng vào lớp, cần nói lời xin lỗi).

## II CHUẨN BỊ

- Nắm vững đặc điểm phát âm; cấu tạo, và cách viết các vần *an, ăn, ân*.
- Hiểu rõ nghĩa của một số từ ngữ trong bài học, như: *bạn thân, khăn rằn, tha thẩn,...*  
*Bạn thân*: người luôn gắn gũi với mình, mong muốn điều tốt đẹp đến với mình, giúp đỡ mình khi khó khăn. *Khăn rằn*: Loại khăn quen thuộc của người dân Nam Bộ, thường có hai màu đen và trắng hoặc nâu và trắng. *Tha thẩn*: thông thả và lạng lạng đi từ chỗ này sang chỗ khác, không chú ý điều gì.
- Với địa phương Nam Bộ, chú ý lỗi chính tả (lẫn lộn *an/ ang, ăn/ ăng, ân/ âng*) do phát âm phương ngữ.
- Tình bạn giữa hươu cao cổ và ngựa vằn: Trong vườn thú Noah's Ark Farm ở Bristol (Anh), hươu cao cổ Gus đáng yêu kết bạn thân với ngựa vằn Zebedee. Hươu cao cổ luôn thoải mái chơi đùa cùng ngựa vằn. Điều đặc biệt là bố Gus cũng từng là bạn thân của Zebedee. Tình bạn đó dường như đã truyền sang cho Gus, sau khi bố của nó qua đời.
- Tập tính của gà con: Gà con mới nở được gà mẹ dẫn đi tìm thức ăn và nước uống. Chúng luôn liu riu bên chân mẹ. Gà mẹ ra sức bảo vệ con, mỗi khi có nguy hiểm (có sự xuất hiện của loài ăn thịt, như: quạ, chim cắt, diều hâu,...), gà mẹ thường báo hiệu cho đàn con biết. Gà con sẽ nấp vào cánh mẹ.

### III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

#### TIẾT 1

##### 1. Ôn và khởi động

Đây là bài học đầu tiên về vần, GV có thể tạo tâm thế cho giờ học bằng cách cho HS chơi trò chơi để ôn lại các âm – chữ đã học.

##### 2. Nhận biết

- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi *Em thấy gì trong tranh?* Một số (2 – 3) HS trả lời. GV thuyết minh ngắn gọn nội dung tranh (Gợi ý: có 2 con vật là ngựa vằn và hươu cao cổ. Các con vật đang tình cảm, quấn quýt bên nhau...).
- GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Ngựa vằn/ và hươu cao cổ/ là đôi bạn thân.*
- GV giới thiệu các vần mới *an, ă, ân*. Viết tên bài lên bảng.

##### 3. Đọc vần, tiếng, từ ngữ

###### a. Đọc vần *an, ă, ân*

- So sánh các vần
  - + GV giới thiệu vần *an, ă, ân*.
  - + Một số (2 – 3) HS so sánh vần *ăn, ản* với *an* để tìm ra điểm giống và khác nhau. (Gợi ý: *Giống nhau là đều có n đứng sau, khác nhau ở chữ đứng trước: a, ă, â*)<sup>(1)</sup>. GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.
- Đánh vần các vần
  - + GV đánh vần mẫu các vần *an, ă, ân*. (GV: *Khi đánh vần, các vần đó khác nhau thế nào? Hãy cùng quan sát và lắng nghe thầy/ cô làm mẫu: a – ờ – an, ă – ờ – ă, ơ – ờ – ân*)<sup>(2)</sup>. GV chú ý hướng dẫn HS quan sát khẩu hình, tránh phát âm sai.
  - + Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.
  - + Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.
- Đọc trơn các vần
  - + Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.
  - + Lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.
- Ghép chữ cái tạo vần
  - + HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần *an*.

(1), (2): Những hướng dẫn và gợi ý đặt trong ngoặc đơn ở bài đầu tiên của phần vần này có thể áp dụng một cách phù hợp cho những bài về vần còn lại trong tập một. Từ các bài sau, nội dung được đặt trong ngoặc đơn này sẽ không lặp lại.

- + HS tháo chữ *a*, ghép *ă* vào để tạo thành *ăn*.
- + HS tháo chữ *ã*, ghép *â* vào để tạo thành *ân*.
- Lớp đọc đồng thanh *an, ăn, ân* một số lần.

### b. Đọc tiếng

- Đọc tiếng mẫu
  - + GV giới thiệu mô hình tiếng *bạn*. (GV: *Từ các vần đã học, làm thế nào để có tiếng? Hãy lấy chữ ghi âm b ghép trước an, thêm dấu nặng dưới a xem ta được tiếng nào. 1 - 2 HS: Ta ghép được tiếng "bạn".*)<sup>(1)</sup> GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *bạn*.
  - + Một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng *bạn* (*bờ - an - ban - nặng - bạn*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *bạn*.
  - + Một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng *bạn*. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng *bạn*.
- Đọc tiếng trong SHS
  - + Đánh vần tiếng. (*Nếu lớp nào đọc tốt thì có thể bỏ qua bước này*)<sup>(2)</sup>. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.
  - + Đọc trơn tiếng. (*HS nào lúng túng không đọc trơn ngay được thì GV cho HS đó đánh vần lại tiếng*)<sup>(3)</sup>. Mỗi HS đọc trơn một tiếng, nối tiếp nhau, hai lượt.
  - + Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.
- Ghép chữ cái tạo tiếng
  - + HS tự tạo các tiếng có chứa vần *an, ăn* hoặc *ân*. (GV đưa mô hình tiếng *bạn*, vừa nói vừa chỉ mô hình: *Muốn có tiếng "bạn" chúng ta thêm chữ ghi âm b vào trước vần an và dấu nặng dưới a. Hãy vận dụng cách làm này để tạo các tiếng có chứa vần ăn hoặc vần ân vừa học!* GV yêu cầu HS trình kết quả ghép chữ với vần, lấy kết quả ghép của một số HS gắn lên bảng và hỏi HS: *Đó là tiếng gì?*)<sup>(4)</sup>. HS đọc tiếng vừa ghép được. GV yêu cầu 1 - 2 HS phân tích tiếng, 1 - 2 HS nêu lại cách ghép.
  - + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.

### c. Đọc từ ngữ

- GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: *bạn thân, khăn rằn, quả mận*. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *quả mận*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ *quả mận* xuất hiện dưới tranh. HS nhận biết tiếng chứa vần *ân* trong *quả mận*, phân tích và đánh vần tiếng *mận*, đọc trơn từ ngữ *quả mận*. GV thực hiện các bước tương tự đối với *bạn thân, khăn rằn*.

(1), (2), (3), (4) Những hướng dẫn và gợi ý đặt trong ngoặc đơn ở bài đầu tiên của phần vần này có thể áp dụng một cách phù hợp cho những bài về vần còn lại trong tập một. Từ các bài sau, nội dung được đặt trong ngoặc đơn này sẽ không lặp lại.



- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 – 3 HS đọc trơn các từ ngữ (GV nên cho HS đọc không theo thứ tự cố định)<sup>(1)</sup>. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

#### d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần. (GV có thể cho nhóm đôi đọc cho nhau nghe, gọi một số HS đọc, cuối cùng cả lớp đọc đồng thanh một lần.)<sup>(2)</sup>

### 4. Viết bảng

(Trong một số trường hợp cần thiết, chẳng hạn do có một số sự cố trong giờ học, GV có thể linh hoạt chuyển một phần viết bảng con sang tiết 2.)<sup>(3)</sup>

- GV đưa mẫu chữ viết các vần *an, ăn, ân*.
- GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần *an, ăn, ân*.
- HS viết vào bảng con: *an, ăn, ân* và *bạn, khăn, mặn* (chữ cỡ vừa). HS có thể chỉ viết hai vần *ăn* và *ân* vì trong các vần này đã có *an* (GV lưu ý HS liên kết giữa nét móc trong *a, ă, â* với nét móc trong *n* và giữ khoảng cách giữa các tiếng trên một dòng). HS viết vào bảng con từng vần và tiếng chứa vần đó: *an – bạn, ăn – khăn, ân – thân*. GV quan sát, hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách. Sau khi HS viết xong mỗi vần và tiếng chứa vần đó, GV đưa bảng con của một số HS để các bạn khác nhận xét chữ viết, GV sửa (nếu cần). HS xoá bảng để viết vần và tiếng tiếp theo.
- HS nhận xét bài của bạn.
- GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS.

## TIẾT 2

### 5. Viết vở

(Từ tuần 7 đến tuần 10, HS viết vào vở các vần và từ ngữ chứa vần đã học. Trong 2 tiết học (buổi sáng), HS chủ yếu viết các vần. Trong 2 tiết/ tuần luyện viết tăng thêm, HS viết từ ngữ chứa vần đã học. Viết nhiều hay ít tùy thuộc vào khả năng của từng HS. GV không nên tạo áp lực cho các em.)<sup>(4)</sup>

- GV đưa vần, từ ngữ viết mẫu và hướng dẫn về độ cao (mấy li) của các con chữ.
- GV hướng dẫn HS viết đúng điểm đặt bút và đúng số lần theo yêu cầu. Lưu ý khoảng cách giữa các chữ. GV nhắc lại tư thế ngồi viết, cách cầm bút.
- HS viết vào vở các vần *an, ăn, ân*, các từ ngữ *bạn thân, khăn rằn*.
- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.
- GV nhận xét và sửa bài viết của một số HS.

(1), (2), (3), (4): Những hướng dẫn và gợi ý đặt trong ngoặc đơn ở bài đầu tiên của phần vần này có thể áp dụng một cách phù hợp cho những bài về vần còn lại trong tập một. Từ các bài sau, nội dung được đặt trong ngoặc đơn này sẽ không lặp lại.

## 6. Đọc đoạn

- GV đọc mẫu cả đoạn.
- HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần *an, ăn, ân*.
- Một số (4 – 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần *an, ăn, ân* trong đoạn văn một số lần.
- GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1 – 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.
- Một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.
- HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn đã đọc: *Dàn gà tha thẩn ở đâu (gắn chân mẹ)? Vì sao đàn gà không còn sợ lũ quạ dữ (đã có mẹ che chắn, bảo vệ)?...*
- GV và HS thống nhất câu trả lời.

## 7. Nói theo tranh

- HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: *Hà và các bạn đang làm gì? Có chuyện gì đã xảy ra? Theo em, bạn cần xin lỗi Hà như thế nào?*
- Một số (2 – 3) HS trả lời những câu hỏi trên. (Gợi ý: Các bạn đang xếp hàng vào lớp. Một bạn sơ ý giẫm vào chân Hà. Bạn ấy cần xin lỗi Hà: Xin lỗi bạn! Mình sơ ý đã giẫm vào chân bạn!, Xin lỗi, mình không cố ý đâu!, Bạn cho mình xin lỗi nhé!...)
- HS chia nhóm, đóng vai trong tình huống: Khi xếp hàng vào lớp, bạn sơ ý giẫm vào chân Hà. Hà nói: *Sao cậu giẫm vào chân mình?* Bạn nói lời xin lỗi Hà.
- Đại diện một nhóm đóng vai trước cả lớp, GV và HS nhận xét.
- GV có thể nhắc nhở HS nội quy khi xếp hàng: đứng thẳng hàng, không đùa nghịch, không giẫm vào chân nhau,...

## 8. Cùng cố

- HS có thể tham gia trò chơi để tìm một số từ ngữ chứa vần *an, ăn, ân* và đặt câu với các từ ngữ tìm được.
- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.